TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/4/2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vi Thị Nghiêm và ông Nguyễn Trung Bang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Tằng Nhì M, sinh năm 1997; số CCCD: 022197002233; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Triệu Đức T, sinh năm 1997; số CCCD: 022097002172; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tằng Nhì M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Triệu Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 24/01/2019 theo Trích lục kết hôn số: 455/2025/TLKH-BS ngày 06/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, không chăm lo đến hạnh phúc của gia đình, chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T nhưng anh không thay đổi, dẫn đến hai vợ chồng không có tiếng nói chumg, dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã ly thân với nhau từ năm 2024. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Đức T.

Về con chung: chị và anh Triệu Đức T không có con chung.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh T không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tằng N Múi vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị M có quan điểm trình bày: chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, như đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2026 bị đơn anh Triệu Đức T có lời khai trình bày: về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị M to tiếng với nhau, mâu thuẫn chủ yếu là về kinh tế, đến năm 2024 thì chị M bỏ đi đâu thì anh không biết. Nay chị M làm đơn ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu chị M phải trả lại cho anh 50.000.000 đồng tiền sính lễ cho nhà anh thì anh mới đồng ý ly hôn. Về con chung, anh và chị M không có con chung. Về tài sản chung và khoản nợ chung, anh và chị M không có. Do anh thường xuyên đi làm ăn xa, nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh trong tất cả các phiên tòa.

* Các sự kiện không phải chứng minh, tình tiết các đương sự đã thống nhất, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: hai đương sự kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh ngày 24/01/2019.

- Về con chung: hai đương sự không có con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự không có.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Hai đương sự không thống nhất ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh

- Về tố tụng: đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Tằng Nhì M, xử cho chị M được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn và bị đơn đều có cư trú tại thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4

- Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thông báo kết quả cho bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã triệu tập hợp lệ đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Tằng Nhì M và anh Triệu Đức T trên cơ sở tự nguyện đã cùng nhau tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ninh). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, hai vợ chồng thừa nhận phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mỗi bên đưa ra nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thống nhất cả hai đã sống ly thân từ năm 2024, do vậy không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Việc anh T không đồng ý ly hôn và yêu cầu chị M phải trả tiền sính lễ mà gia đình anh T đã cưới chị M thì mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc đòi sính lễ không được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định, mặc dù đây có thể là tập quán, phong tục địa phương, tuy nhiên tập quán phải tuân theo các điều kiện được quy định tại Điều 7 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình ban hành kèm theo Nghị định số: 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ thì "nếu do người vợ yêu cầu ly hôn thì nhà gái phải trả lại nhà trai toàn bộ đồ sính lễ và những phí tổn khác, con phải theo cha là tập quán cần vận động xóa bỏ". Do đó, đây không phải là căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị M, đồng thời cũng không phải là quan điểm mong muốn đoàn tụ gia đình của anh T. Do đó, không được xem xét giải quyết. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cầu ly hôn của chị M là có cơ sở, căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: hai đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tằng Nhì M.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tằng Nhì M được ly hôn anh Triệu Đức T.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Tằng Nhì M phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000013 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Tằng Nhì M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị Tằng Nhì M và anh Triệu Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Đông Ngũ, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đình Khoa